| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 – HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 510/2026/HNGĐ – ST.
Ngày: 29/05/2026.
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Hương Giang.**
Hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Văn Hành.**
**Bà Nguyễn Thị Hoa.**
Thư ký phiên toà: **Bà Từ Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Cường**- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 05 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2026 giữa:

**-** Nguyên đơn: **Chị Phùng Thị Bích T,** sinh ngày 13/05/1983. (Có mặt).
Căn cước công dân số: 001183044064.
Nơi thường trú: Số 11, ngõ 275 Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội.
Nơi ở: Long Hưng 1 – 40 – Vinhomes Thăng Long, Anh Khánh, Hà Nội.
**-** Bị đơn: **Anh Đặng Đình T1,** sinh ngày 24/04/1991. (Vắng mặt).
Căn cước công dân số: 001091032388.
Nơi thường trú: Xóm Văn, Thanh Liệt, Hà Nội.
Nơi ở: 916 đường Kim Giang, Thanh Liệt, Hà Nội.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - chị Phùng Thị Bích T trình bày:

- ***Về tình cảm***: Chị và anh Đặng Đình T1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H (nay là UBND phường H), Hà Nội ngày 22/11/2018. Đây là lần kết hôn đầu tiên của chị và anh T1. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại I K, phường T, Hà Nội. Đến năm 2019 chị chuyển sang L - 40 - Vinhomes T, A, Hà Nội và sinh sống ổn định cho tới nay.

Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, lúc nóng giận anh chị có đánh chửi nhau nhưng sau đó anh chị lại quay về khắc phục mâu thuẫn tiếp tục chung sống với nhau.

Tháng 03/2025, chị có làm đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội). Tòa án nhân dân

huyện Thanh Trì đã giải quyết cho chị được ly hôn đơn phương, vắng mặt anh T1. Sau đó, anh T1 gửi đơn kháng cáo và tiến hành hòa giải, chị đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh T1. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã ra quyết định đình chỉ vụ án ly hôn.

Quá trình sinh sống sau này, anh chị vẫn có những mâu thuẫn, tranh cãi khiến chị cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Đình T1.

- ***Về con chung***: Chị và anh Đặng Đình T1 có 01 con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 19/03/2019.

Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu H, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

Hiện chị đang làm tại Công ty cổ phần X, có mức thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng và chị được hưởng chế độ hưu trí với mức lương hưu là 9.025.158 đồng/ tháng, nơi chị và cháu H đang ở là nhà chị nên chị đảm bảo cho con có được điều kiện sống, học tập tốt nhất.

***- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)***: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***- Về án phí***: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong bản tự khai tại Tòa án, bị đơn - anh Đặng Đình T1 trình bày:

***- Về tình cảm***: Anh xác nhận lời trình bày của chị Phùng Thị Bích T về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như về quá trình vợ chồng chung sống, anh không bổ sung gì thêm. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định đình chỉ việc ly hôn, anh chị quay lại chung sống với nhau, cuộc sống hôn nhân bình thường không cãi nhau hay mâu thuẫn. Tuy nhiên, có một lần anh có hơi to tiếng với chị T và chị T cho rằng như vậy là thiếu tôn trọng dẫn đến vợ chồng hiểu lầm nhau. Anh cũng đã cố gắng thay đổi bản thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh được đoàn tụ.

- ***Về con chung***: Anh và chị T có 01 con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 19/03/2019.

Trong trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

***- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):*** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về nợ chung***: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Về án phí***: Anh đồng ý để chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần tuy nhiên anh Đặng Đình T1 vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa chị Phùng Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng trước đây. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Đình T1 và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh T1

đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không đề nghị tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong các buổi làm việc với Tòa án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị Bích T. Chị Phùng Thị Bích T được ly hôn với anh Đặng Đình T1.

- Về con chung: Giao con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 19/03/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đặng Đình T1 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản và các yêu cầu khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Anh Đặng Đình T1 có nơi ở tại I đường K, T, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn – anh Đặng Đình T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

**[2] Về nội dụng:**

**- Về quan hệ hôn nhân:**

Hôn nhân giữa chị Phùng Thị Bích T và anh Đặng Đình T1 là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, quận H (nay là UBND phường H), Hà Nội.

Qua lời khai và trình bày của các bên cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định vợ chồng chị Phùng Thị Bích T và anh Đặng Đình T1 trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng đã rút đơn để quay về hàn gắn tuy nhiên không đạt được kết quả. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T1 lên hoà

giải tuy nhiên anh T1 đều vắng mặt cho thấy anh T1 không có ý thức vun đắp, hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

**- Về con chung**:

Chị Phùng Thị Bích T và anh Đặng Đình T1 có 01 con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 19/03/2019. Sau ly hôn, chị T và anh T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy chị T có việc làm, thu nhập và chỗ ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con, quá trình giải quyết Tòa án đã yêu cầu nhưng anh T1 không xuất trình tài liệu chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con. Đồng thời, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T2 có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

**- Về tài sản và nhà ở chung**:

A, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

**-Về án phí và quyền kháng cáo:**

Về án phí: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T2 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên:

**QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

**Xử:**

**I. Về quan hệ hôn nhân:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị Bích T.

2. Chị Phùng Thị Bích T được ly hôn với anh Đặng Đình T1.

**II. Về con chung:**

Chị T và anh T1 có 01 con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 19/03/2019.

Giao 01 con chung là cháu Đặng Ngọc H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

**III. Về tài sản chung:**

Chị Phùng Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

**IV. Về án phí:**

Chị Phùng Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003045 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

**V. Về quyền kháng cáo:**

Chị Phùng Thị Bích T có mặt có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Đặng Đình T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hà Nội ;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
-UBND phường Văn Quán, quận Hà Đông (nay là UBND phường Hà Đông), Hà Nội (số 128/2018, ngày 22/11/2018) ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hương Giang**